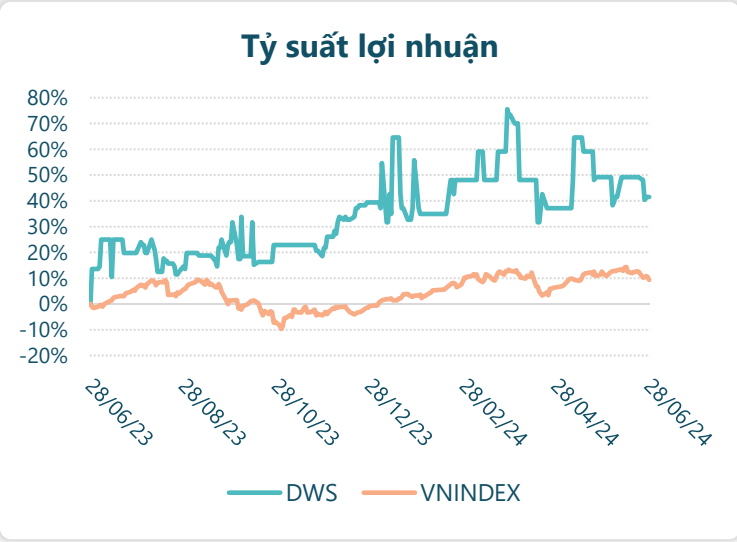


Ngày	12,900 VNĐ		
28/06/2024			
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-5.1%	-18.4%	2.4%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	9,116 - 16,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	334
Số lượng CPLH (CP)	25,918,130
KLGD BQ 20 phiên (CP)	435
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	(0.64)
EPS	1,679
P/E	7.7



Doanh thu thuần
Q2/24

122

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 14.0 | 12.8%

YoY: ▲ 6.00 | 5.0%

Nợ/VCSH
Q2/24

203%

YoY: +/- ▲ 16.0%

LN gộp
Q2/24

41.6

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 9.10 | 28.1%

YoY: ▲ 5.10 | 14.1%

ROE (TTM)
Q2/24

12.8%

YoY: +/- ▲ 0.5%

LN trước thuế
Q2/24

16.3

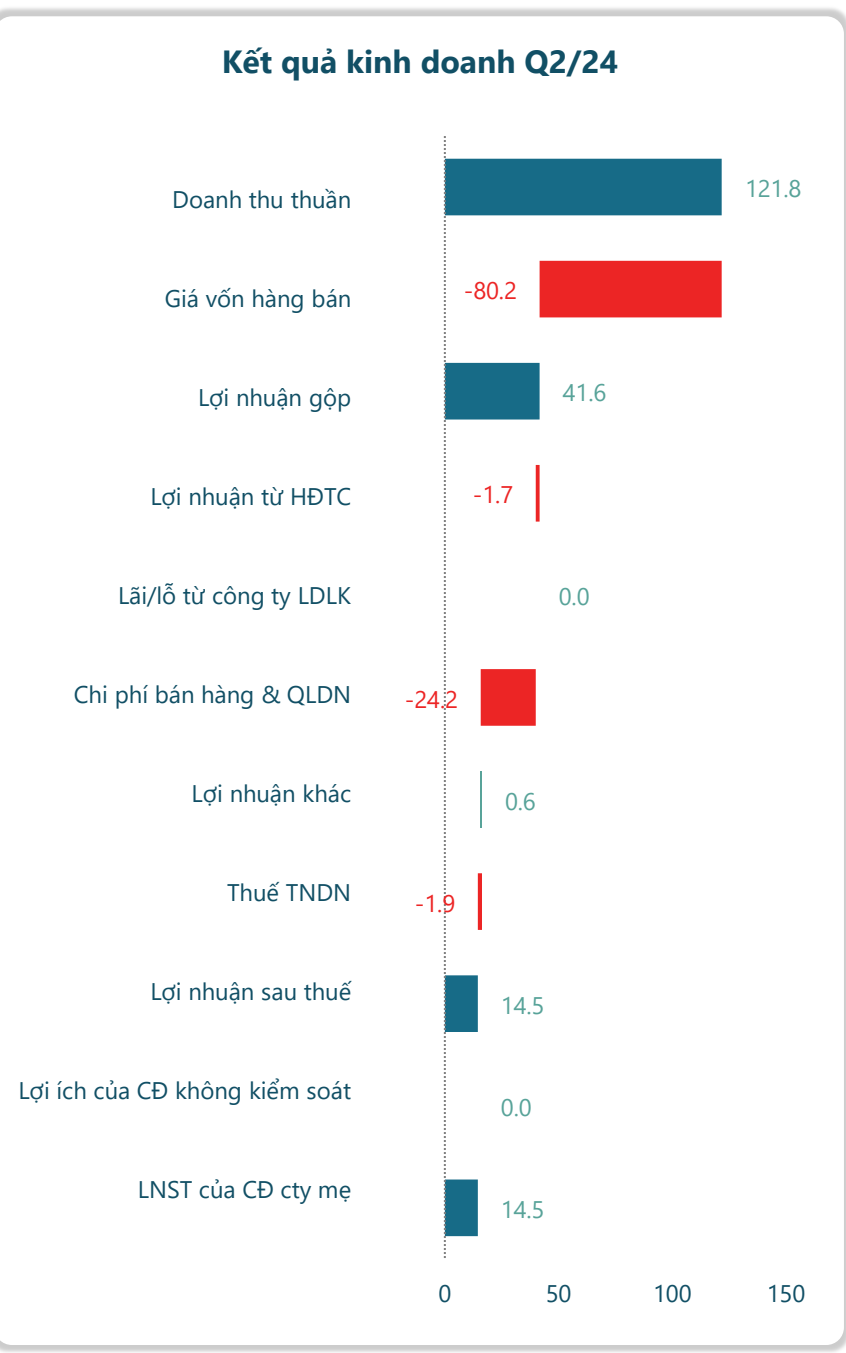
tỷ VNĐ

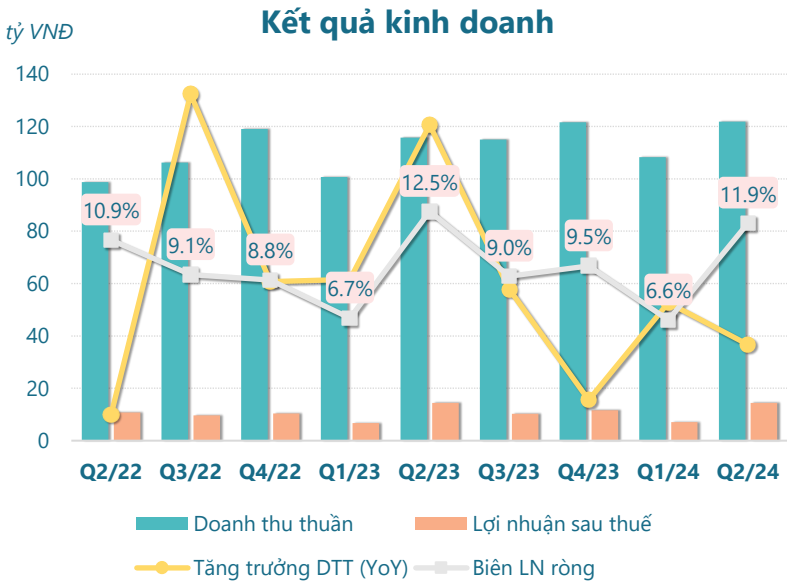
QoQ: ▲ 8.38 | 106%

ROA (TTM)
Q2/24

4.1%

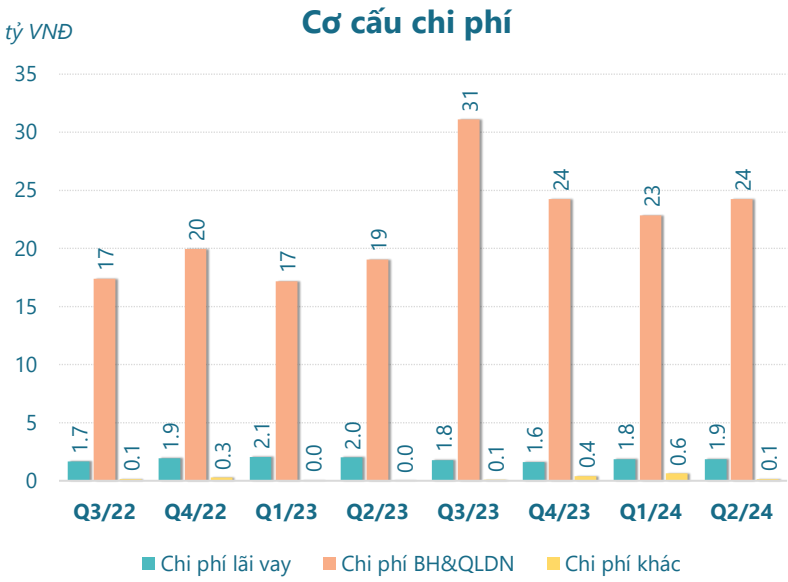
YoY: +/- ▼ 0.0%





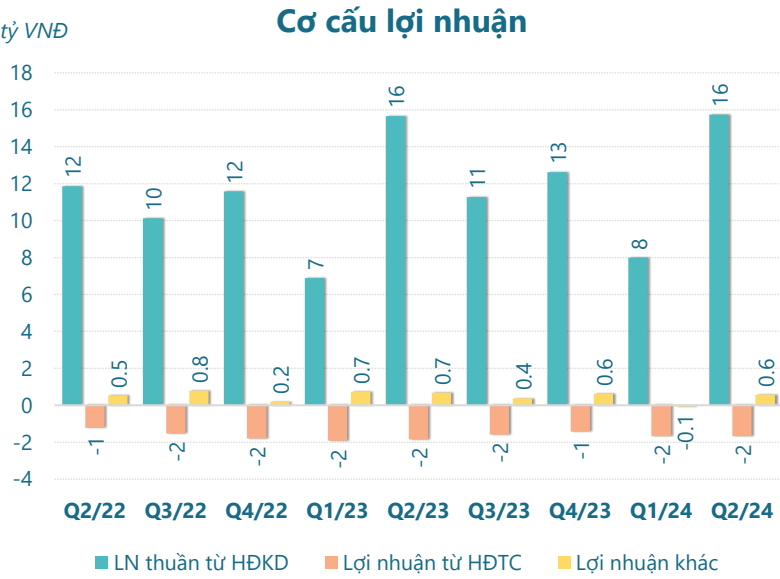
Tại quý II năm 2024, lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ghi nhận **lãi 15.74 tỷ đồng**, tăng thêm 97.0% so với kỳ trước và cao hơn 0.58% so với cùng kỳ năm trước.

Lợi nhuận từ hoạt động tài chính **lỗ 1.67 tỷ đồng** không đổi so với kỳ trước và tăng thêm 0.17 tỷ đồng so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận khác **lãi 0.58 tỷ đồng**, tăng thêm 0.64 tỷ đồng so với kỳ trước và thấp hơn 14.7% so với cùng kỳ năm trước.



Kết quả kinh doanh của **DWS** quý II năm 2024, doanh thu thuần đạt **121.8 tỷ đồng** tăng thêm **5.23%** so với cùng kỳ năm trước. Lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 14.46 tỷ đồng**, **giảm sút 0.14%** so với cùng kỳ năm trước.

Lũy kế 6 tháng đầu năm 2024, doanh thu thuần đạt **230.0 tỷ đồng** cao hơn 6.48% so với cùng kỳ năm trước, lợi nhuận sau thuế ghi nhận **lãi 22.00 tỷ đồng** cao hơn 4.76% so với cùng kỳ năm trước.



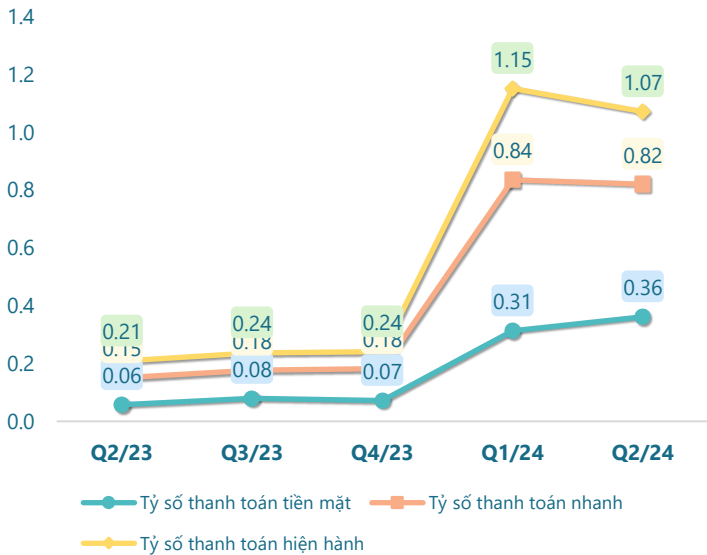
Tại quý II, chi phí lãi vay bằng **1.86 tỷ đồng** tăng thêm 0.54% so với kỳ trước và thấp hơn 7.46% so với cùng kỳ năm trước.

Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp bằng **24.24 tỷ đồng** tăng thêm 6.08% so với kỳ trước và cao hơn 27.3% so với cùng kỳ năm trước.

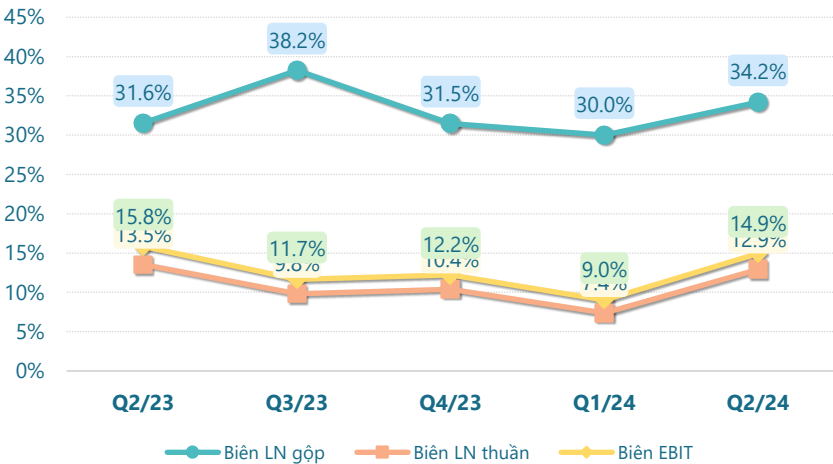
Chi phí khác bằng **0.15 tỷ đồng** giảm đi 76.6% so với kỳ trước và cao hơn 400% so với cùng kỳ năm trước.

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q1/24	Thay đổi QoQ	Q2/23	Thay đổi YoY	6T 2024	6T 2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	122	108	12.8%	116	5.0%	230	216	6.3%
Giá vốn hàng bán	80.2	75.8	5.8%	79.2	1.2%	156	154	1.3%
Lợi nhuận gộp	41.6	32.5	28.1%	36.5	14.1%	74.2	62.5	18.6%
Doanh thu HĐTC	0.20	0.18	9.7%	0.17	16.2%	0.38	0.30	23.8%
Chi phí TC	1.86	1.85	0.8%	2.01	-7.3%	3.71	4.07	-8.8%
Chi phí lãi vay	1.86	1.85	0.8%	2.01	-7.3%	3.71	4.07	-8.8%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	10.7	12.2	-12.2%	7.86	36.3%	22.9	16.5	38.8%
Chi phí QLDN	13.5	10.7	26.4%	11.2	20.8%	24.2	19.7	22.7%
LN thuần từ HĐKD	15.7	7.99	97.0%	15.7	0.2%	23.7	22.5	5.2%
Lợi nhuận khác	0.58	-0.06	1068%	0.68	-14.6%	0.52	1.41	-63.3%
LN trước thuế	16.3	7.92	106%	16.3	0.1%	24.2	24.0	1.2%
Lợi nhuận sau thuế	14.5	7.13	103%	14.5	-0.3%	21.6	21.2	1.8%
LNST của CĐ cty mẹ	14.5	7.13	103%	14.5	-0.3%	21.6	21.2	1.8%

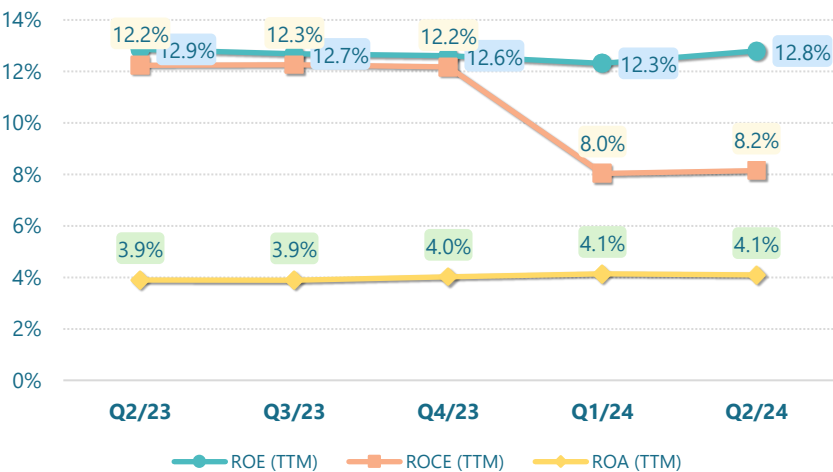
Chỉ số thanh khoản



Biên lợi nhuận



Tỷ suất sinh lợi



Vòng quay tài sản

